TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ - ST
Ngày 28/6/2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Bích Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm **-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 676/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị C**, sinh ngày 14/01/1975.

Nơi cư trú: Thôn VL, xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Tuân Th**, sinh ngày 08/4/1969.

Nơi cư trú: Thôn VL, xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt chị C, vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023 và các lời khai theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuân Th qua giới thiệu, mai mối đã tìm hiểu thời gian ngắn rồi quyết định kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LK, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 24/9/2007. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh Th ở thôn 4, xã LK, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng khoảng 03 tháng thì vợ chồng chuyển về sinh sống cùng bố đẻ chị tại thôn VL, xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do từ khi anh Th nghỉ việc ở nhà chăm sóc con và phụ giúp chị bán hàng thì tính tình thay đổi, không tu chí làm ăn, thường xuyên đòi hỏi chị về kinh tế, chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị và các con. Lãnh đạo thôn VL và UBND xã PL đã nhiều lần làm việc, hòa giải cho vợ chồng chị nhưng anh Th không thay đổi. Khoảng đầu năm 2022, chị đã gửi đơn xin ly hôn anh Th, nhưng vì thương các con và muốn cho anh Th thêm cơ hội để thay đổi bản thân nên chị đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn, anh Th không có gì thay đổi, vẫn chửi bởi, đánh đập chị, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị xin ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Tuân Th2, sinh ngày 21/02/2010. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, đất ở, đất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 06/3/2024 và các lời khai theo bị đơn là anh Nguyễn Tuân Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị C về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi anh chị chung sống. Tuy nhiên, theo anh, sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, anh vừa lo cơm nước, giặt quần áo, làm việc nhà, chăm sóc con cái và vừa phụ giúp chị C lấy hàng để bán ngoài chợ, vợ chồng cùng nhau làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Năm 2020, chị C đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về, vợ chồng tiếp tục chung sống đến nay. Lý do chị C xin ly hôn anh là vì không muốn anh can thiệp vào cuộc sống cá nhân, không muốn anh biết chị C đi đâu, làm gì. Chính quyền thôn VL và gia đình đã nhiều làn hòa giải, khuyên nhủ nhưng chị C không thay đổi. Nay chị C xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng

đoàn tụ, nếu chị C kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung với chị C là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Tuân Th2, sinh ngày 21/02/2010. Trường hợp ly hôn đặt ra, do không muốn chia rẽ các con nên anh hay chị C nuôi con anh đều đồng ý và không đề nghị giải quyết Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C, cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Tuân Th.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Tuân Th2, sinh ngày 21/02/2010 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị C, anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, đất nông nghiệp, công sức đóng góp và nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị C, anh Th không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng,Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Nguyễn Tuân Th đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn VL, xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt anh Nguyễn Tuân Th: Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Tuân Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LK, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 02/10/2007. Hôn nhân giữa chị C và anh Th là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, chị C và anh Th sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, bạo lực gia đình. Sau khi mâu thuẫn nảy sinh, gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, đồng thời Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành hòa giải cho chị C, anh Th nhưng anh Th đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trú cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Tuân Th2, sinh ngày 21/02/2010.

Xét yêu cầu xin chị C, Hội đồng xét xử thấy: Chị C và anh Th đều có thu nhập và nơi cư trú ổn định để đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con; cháu T, cháu Th2 hiện đang sinh sống và học tập ổn định địa phương, các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Đồng thời lời khai của anh Th thể hiện, cháu Thư, cháu Th2 sống cùng anh hay chị C thì anh đều đồng ý và không muốn chia rẽ các con.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con của chị C và anh Th. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung. Anh Th có ý kiến là anh hay chị C nuôi con đều được vì anh không muốn chia rẽ các con. Cháu T và cháu Th2 đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần, tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ nên giao cháu T và cháu Th2 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy đinh về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị C và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, đất nông nghiệp, công sức đóng góp và nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị C và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 143, 147, 227, 228, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C. Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Tuân Th.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Tuân Th có 02 con chung là: Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Tuân Th2, sinh ngày 21/02/2010.

Giao cháu Nguyễn Thị Minh T và cháu Nguyễn Tuân Th2 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Toà án thay thế.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Tuân Th không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tuân Th có quyền thăm và chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, đất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Tuân Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 22006 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuân Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND xã LK, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 02/10/2007);
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng